

Văn phòng Chủ tịch nước



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số **1500../QĐ-TTg** ngày **30** tháng **11** năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	209.680	209.680	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	14.990	14.990	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	194.690	194.690	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	260	260	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	194.430	194.430	



Văn phòng Quốc hội

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	1.712.460	1.709.948	2.512
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	9.558	9.558	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.702.902	1.700.390	2.512
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	2.790	2.790	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	23.660	23.660	
3	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	126.700	126.700	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.250	3.250	
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.546.502	1.543.990	2.512



Văn phòng Trung ương Đảng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	3.560.512	3.560.512	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	416.783	416.783	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	3.143.729	3.143.729	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	108.600	108.600	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	61.900	61.900	
3	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	230.900	230.900	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.000	2.000	
5	Chi các hoạt động kinh tế	3.619	3.619	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.736.710	2.736.710	



Văn phòng Chính phủ

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	907.353	907.353	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	74.933	74.933	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	832.420	832.420	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	3.000	3.000	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	750	750	
3	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	828.670	828.670	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	1.391.210	1.391.210	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	325.174	325.174	
II	Chi viện trợ	60.000	60.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.006.036	1.006.036	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	886.600	886.600	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	109.036	109.036	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	500	500	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.900	6.900	
5	Chi các hoạt động kinh tế	3.000	3.000	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	6.754.411	6.682.369	72.042
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.020.999	1.020.999	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	5.733.412	5.661.370	72.042
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	36.190	36.190	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	4.130	4.130	
3	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.693.092	5.621.050	72.042



Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	5.873.670	5.873.670	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	275.050	275.050	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	5.598.620	5.598.620	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	57.050	57.050	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	6.650	6.650	
3	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.534.920	5.534.920	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
*(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	4.402.996	4.302.892	100.104
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	508.883	416.972	91.911
II	Chi viện trợ	7.800	7.800	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	3.886.313	3.878.120	8.193
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	20.470	20.470	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	12.950	12.950	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	2.100	2.100	
4	Chi các hoạt động kinh tế	44.970	44.970	
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.785.823	3.777.630	8.193
6	Chi bảo đảm xã hội	20.000	20.000	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số .15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	28.497.570	26.807.972	1.689.598
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	22.339.167	21.111.667	1.227.500
II	Chi viện trợ	137.000	137.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	6.021.403	5.559.305	462.098
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	1.561.260	1.561.260	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	760.925	760.925	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	35.450	35.450	
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	500	500	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	33.090	33.090	
6	Chi các hoạt động kinh tế	3.047.628	2.585.530	462.098
7	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	582.550	582.550	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	61.080	61.080	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	61.080	61.080	
1	Chi các hoạt động kinh tế	11.400	11.400	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	49.680	49.680	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	94.156.727	87.898.328	6.258.399
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	71.135.202	64.876.803	6.258.399
II	Chi viện trợ	7.000	7.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	23.014.525	23.014.525	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	408.010	408.010	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	42.407	42.407	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.350	2.350	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.538	1.538	
5	Chi các hoạt động kinh tế	21.581.650	21.581.650 (1)	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	978.570	978.570	

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm: Chi hoạt động kinh tế đường bộ 12.600.000 triệu đồng; chi hoạt động kinh tế đường sắt 4.300.000 triệu đồng (bao gồm 350.000 triệu đồng kinh phí sửa chữa 184 đường ngang); chi hoạt động kinh tế hàng hải 3.250.000 triệu đồng; chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa 1.095.980 triệu đồng.



Bộ Công Thương

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	5.562.453	5.359.177	203.276
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	423.506	423.506	
II	Chi viện trợ	1.700	1.700	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	5.137.247	4.933.971	203.276
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	1.155.260	1.155.260	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	201.393	201.393	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	14.790	14.790	
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	600	600	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	22.810	22.810	
6	Chi các hoạt động kinh tế	974.694	771.418	203.276
7	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.767.700	2.767.700	



Bộ Xây dựng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 150.0.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	771.456	743.427	28.029
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	260.017	260.017	
II	Chi viện trợ	400	400	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	511.039	483.010	28.029
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	204.830	204.830	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	92.780	92.780	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	7.670	7.670	
4	Chi các hoạt động kinh tế	72.309	44.280	28.029
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	133.450	133.450	



Bộ Y tế

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	12.386.568	9.091.818	3.294.750
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	5.757.970	5.357.865	400.105
II	Chi viện trợ	52.000	52.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	6.576.598	3.681.953	2.894.645
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	598.700	452.360	146.340
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	49.994	49.994	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.671.225	2.922.920	2.748.305
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	13.927	13.927	
5	Chi các hoạt động kinh tế	432	432	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	242.320	242.320	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	10.741.090	9.501.493	1.239.597
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	2.738.653	1.817.316	921.337
II	Chi viện trợ	151.390	151.390	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	7.665.547	7.347.287	318.260
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	7.292.290	6.974.030	318.260
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	214.099	214.099	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	2.100	2.100	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.098	3.098	
5	Chi các hoạt động kinh tế	1.400	1.400	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	152.560	152.560	
IV	Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia	185.500	185.500	
	Chi đầu tư phát triển	185.500	185.500	
	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	185.500	185.500	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	2.238.754	2.217.368	21.386
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	330.000	330.000	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.908.754	1.887.368	21.386
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	7.630	7.630	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.687.955	1.666.569	21.386
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.500	1.500	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	5.119	5.119	
5	Chi các hoạt động kinh tế	2.500	2.500	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	204.050	204.050	



Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số ~~1500~~.../QĐ-TTg ngày ~~30~~ tháng ~~11~~ năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	4.798.508	4.782.708	15.800
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.630.128	1.630.128	
II	Chi viện trợ	6.900	6.900	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	3.161.480	3.145.680	15.800
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	811.980	811.980	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	58.620	58.620	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.080	11.080	
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.133.400	1.117.600	15.800
5	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	923.000	923.000	
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	5.700	5.700	
7	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	211.700	211.700	
8	Chi bảo đảm xã hội	6.000	6.000	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	47.762.112	47.735.384	26.728
A	PHẦN TRỰC THUỘC BỘ	1.458.272	1.431.544	26.728
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	187.700	187.700	
II	Chi viện trợ	2.000	2.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.268.572	1.241.844	26.728
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	711.420	703.000	8.420
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	26.942	26.942	
3	Chi các hoạt động kinh tế	29.250	29.250	
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	220.330	220.330	
5	Chi bảo đảm xã hội	280.630	262.322	18.308
B	PHẦN ỦY QUYỀN CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN	46.303.840	46.303.840	
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.886.870	1.886.870	
2	Chi bảo đảm xã hội	44.416.970	44.416.970	



Phụ lục I

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	24.145.787	24.144.661	1.126
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.300.286	1.300.286	
II	Chi dự trữ quốc gia	903.200	903.200	
III	Chi viện trợ	6.100	6.100	
IV	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	21.936.201	21.935.075	1.126
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	241.520	241.520	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	56.570	56.570	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	600	600	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.197	2.197	
5	Chi các hoạt động kinh tế	426.198	426.198	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	19.981.116	19.979.990	1.126
7	Chi bảo đảm xã hội	1.228.000	1.228.000	



Phụ lục II

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
	Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước	1.966.839.000 ⁽¹⁾

Ghi chú:

(1) Trong đó:

- Thu nội địa là 1.668.356.000 triệu đồng. Đã bao gồm: Thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu, thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu là 68.557.000 triệu đồng; thu chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 36.000.000 triệu đồng; thu hồi vốn Nhà nước tại một số tổ chức kinh tế do Trung ương quản lý là 2.000.000 triệu đồng.

- Thu từ dầu thô là 53.200.000 triệu đồng.

- Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu là 235.000.000 triệu đồng. Trong đó: Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 411.000.000 triệu đồng, dự toán chi hoàn thuế giá trị gia tăng là 176.000.000 triệu đồng.

- Thu viện trợ là 10.283.000 triệu đồng.

- Chưa bao gồm thu chuyển nguồn cải cách tiền lương của ngân sách trung ương là 60.000.000 triệu đồng và thu chuyển nguồn cải cách tiền lương của ngân sách địa phương đến hết năm 2024 còn dư là 50.619.000 triệu đồng chuyển sang bố trí dự toán năm 2025 của một số Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để thực hiện mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng.



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số ..15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	3.904.670	3.853.430	51.240
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	746.616	746.616	
II	Chi viện trợ	5.700	5.700	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	3.152.354	3.101.114	51.240
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	61.280	61.280	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	14.130	14.130	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.900	1.900	
4	Chi các hoạt động kinh tế	500	500	
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.074.544	3.023.304	51.240



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	214.970	214.970	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	194.800	194.800	
II	Chi viện trợ	4.210	4.210	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	15.960	15.960	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	12.060	12.060	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	3.900	3.900	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	3.966.133	3.939.831	26.302
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	588.994	588.994	
II	Chi viện trợ	1.000	1.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	3.376.139	3.349.837	26.302
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	82.540	82.540	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	87.627	87.627	
3	Chi các hoạt động kinh tế	59.572	33.270	26.302
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.146.400	3.146.400	



Bộ Nội vụ

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	997.721	989.390	8.331
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	381.163	381.163	
II	Chi viện trợ	9.000	9.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	607.558	599.227	8.331
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	127.370	127.370	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	22.617	22.617	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	80.300	80.300	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.950	1.950	
5	Chi các hoạt động kinh tế	7.550	7.550	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	367.771	359.440	8.331



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số .1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	3.869.638	3.377.493	492.145
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.042.200	997.200	45.000
II	Chi viện trợ	260	260	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	2.827.178	2.380.033	447.145
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	72.530	72.530	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	192.515	192.515	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.250	5.250	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.085.578	693.588	391.990
5	Chi các hoạt động kinh tế	1.143.725	1.088.570	55.155
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	327.580	327.580	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	1.594.692	1.594.692	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	593.342	593.342	
II	Chi viện trợ	3.200	3.200	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	998.150	998.150	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	47.310	47.310	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	29.790	29.790	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	158.900	158.900	
4	Chi các hoạt động kinh tế	41.340	41.340	
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	720.810	720.810	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	1.324.822	1.324.822	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	97.854	97.854	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	418.352	418.352	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	299.710	299.710	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7.160	7.160	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	8.040	8.040	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	522	522	
5	Chi các hoạt động kinh tế	6.420	6.420	
6	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	96.500	96.500	
III	Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia	808.616	808.616	
	Chi đầu tư phát triển	808.616	808.616	
	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	808.616	808.616	

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp



ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	59.590	59.590	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	59.590	59.590	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	900	900	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	58.690	58.690	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	266.961	266.961	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	2.611	2.611	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	264.350	264.350	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	4.600	4.600	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	9.590	9.590	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	22.600	22.600	
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	227.560	227.560	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số .1500./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	982.397	981.197	1.200
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	6.367	6.367	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	976.030	974.830	1.200
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	18.610	18.610	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	4.190	4.190	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	15.900	15.900	
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	937.330	936.130	1.200



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số ..1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	850.370	850.370	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	87.880	87.880	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	762.490	762.490	
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.190	1.190	
2	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	600	600	
3	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	760.700	760.700	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 150.Q../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	499.070	499.070	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	191.530	191.530	
II	Chi dự trữ quốc gia	84.000	84.000	
III	Chi viện trợ	20.000	20.000	
IV	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	203.540	203.540	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	26.070	26.070	
2	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	165.500	165.500	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	11.970	11.970	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số .1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	882.987	882.987	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	101.747	101.747	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	781.240	781.240	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	34.440	34.440	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	2.900	2.900	
3	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	743.900	743.900	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số .1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	3.417.417	2.239.124	1.178.293
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	2.459.277	1.301.572	1.157.705
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	958.140	937.552	20.588
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	33.350	33.350	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	898.270	877.682	20.588
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	7.600	7.600	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	5.500	5.500	
5	Chi các hoạt động kinh tế	13.420	13.420	



Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số .1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	649.981	630.281	19.700
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	216.868	216.868	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	433.113	413.413	19.700
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	17.620	17.620	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	385.393	385.393	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	27.500	7.800	19.700
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.900	1.900	
5	Chi các hoạt động kinh tế	700	700	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	2.083.617	1.803.867	279.750
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.249.936	998.486	251.450
II	Chi viện trợ	4.300	4.300	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	829.381	801.081	28.300
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	686.890	658.590	28.300
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	125.606	125.606	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	12.280	12.280	
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	800	800	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.750	3.750	
6	Chi các hoạt động kinh tế	55	55	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	2.644.591	1.934.677	709.914
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	2.101.495	1.394.521	706.974
II	Chi viện trợ	1.200	1.200	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	541.896	538.956	2.940
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	381.990	379.050	2.940
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	158.262	158.262	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.644	1.644	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	269.450	269.450	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	171.084	171.084	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	98.366	98.366	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	3.260	3.260	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	5.210	5.210	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.976	1.976	
4	Chi các hoạt động kinh tế	1.000	1.000	
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	86.920	86.920	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	552.585	531.773	20.812
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	409.583	409.583	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	143.002	122.190	20.812
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	13.740	13.740	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	6.770	6.770	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.000	4.000	
4	Chi các hoạt động kinh tế	21.812	1.000	20.812
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	96.680	96.680	



Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	367.058	327.744	39.314
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	195.764	195.764	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	171.294	131.980	39.314
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	24.640	23.050	1.590
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	2.710	2.710	
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	10.500	10.500	
4	Chi các hoạt động kinh tế	450	450	
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	92.970	92.970	
6	Chi bảo đảm xã hội	40.024	2.300	37.724





Hội Nông dân Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	271.179	164.549	106.630
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	9.019	9.019	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	262.160	155.530	106.630
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	27.530	27.530	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	4.870	4.870	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.600	6.600	
4	Chi các hoạt động kinh tế	87.550	15.170	72.380
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	101.360	101.360	
6	Chi bảo đảm xã hội	34.250		34.250



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	43.030	43.030	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	43.030	43.030	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	270	270	
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.450	2.450	
3	Chi các hoạt động kinh tế	520	520	
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29.800	29.800	
5	Chi bảo đảm xã hội	9.990	9.990	



Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
*(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	430.494	430.494	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	144.104	144.104	
II	Chi viện trợ	2.000	2.000	
III	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	284.390	284.390	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	239.670	239.670	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	31.500	31.500	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	7.570	7.570	
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.650	2.650	
5	Chi bảo đảm xã hội	3.000	3.000	

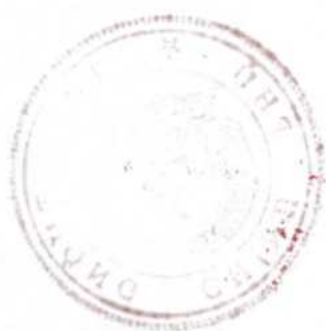


Ngân hàng Chính sách xã hội

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số **1500./QĐ-TTg** ngày **30** tháng **11** năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	5.875.100	5.875.100	
	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	5.875.100	5.875.100	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	54.386.870	54.386.870	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	54.386.870	54.386.870	
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.207.620	3.207.620	
2	Chi bảo đảm xã hội	51.179.250	51.179.250	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	563.197	563.197	
	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	563.197	563.197	





Ban Quản lý Làng Văn hóa-Du lịch các dân tộc Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	537.405	537.405	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	455.765	455.765	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	81.640	81.640	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	41.600	41.600	
2	Chi các hoạt động kinh tế	11.700	11.700	
3	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.340	28.340	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 150.Q../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	181.874	181.874	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	107.016	107.016	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	74.858	74.858	
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	22.830	22.830	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7.418	7.418	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.000	2.000	
4	Chi các hoạt động kinh tế	7.960	7.960	
5	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	34.650	34.650	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	44.020	44.020	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	44.020	44.020	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	44.020	44.020	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	3.130	3.130	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	3.130	3.130	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.130	3.130	



Hội Đông y Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	3.940	3.940	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	3.940	3.940	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.940	3.940	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	57.136	18.080	39.056
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	57.136	18.080	39.056
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	870	870	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	17.210	17.210	
3	Chi bảo đảm xã hội	39.056		39.056



Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	20.107	6.420	13.687
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	20.107	6.420	13.687
1	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.620	5.620	
2	Chi bảo đảm xã hội	14.487	800	13.687



Hội Người mù Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	7.010	7.010	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	7.010	7.010	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	7.010	7.010	



Hội Khuyến học Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 15.QĐ./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	5.070	5.070	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	5.070	5.070	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	500	500	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.570	4.570	



Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.0.0./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	9.100	9.100	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	9.100	9.100	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	3.740	3.740	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.360	5.360	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	20.910	20.910	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	20.910	20.910	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	9.490	9.490	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	11.420	11.420	



Hội Nghệ sỹ sân khấu Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	12.980	12.980	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	12.980	12.980	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	7.790	7.790	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.190	5.190	



Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	4.580	4.580	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	4.580	4.580	
1	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.630	1.630	
2	Chi bảo đảm xã hội	2.950	2.950	



Hội Người cao tuổi Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	11.055	11.055	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	11.055	11.055	
1	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	975	975	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	10.080	10.080	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 15.00./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	12.540	12.540	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	12.540	12.540	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	4.460	4.460	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.080	8.080	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	10.950	10.950	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	10.950	10.950	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	4.510	4.510	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.440	6.440	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	8.350	8.350	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	8.350	8.350	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	4.430	4.430	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.920	3.920	



Hội Nghệ sỹ nhiếp ảnh Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	9.580	9.580	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	9.580	9.580	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	4.280	4.280	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.300	5.300	



Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số .15.00./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	188.755	188.755	
I	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	13.695	13.695	
II	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	175.060	175.060	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	168.790	168.790	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.270	6.270	



Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	7.250	7.250	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	7.250	7.250	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	3.540	3.540	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.710	3.710	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 15.00./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	38.440	38.440	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	38.440	38.440	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	18.460	18.460	
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.000	2.000	
3	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	17.980	17.980	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	17.960	17.960	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	17.960	17.960	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	500	500	
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.000	3.000	
3	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	14.460	14.460	



Hội Nghệ sỹ múa Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	7.050	7.050	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	7.050	7.050	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	3.540	3.540	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.510	3.510	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	11.370	11.370	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	11.370	11.370	
1	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	3.760	3.760	
2	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	7.610	7.610	



Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.QĐ./QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	2.730	2.730	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	2.730	2.730	
1	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.200	2.200	
2	Chi bảo đảm xã hội	530	530	



Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 15.00../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	4.560	4.560	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	4.560	4.560	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.560	4.560	



Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	144.115	45.225	98.890
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	144.115	45.225	98.890
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	33.355	33.355	
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	98.890		98.890
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.500	1.500	
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	10.370	10.370	



Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

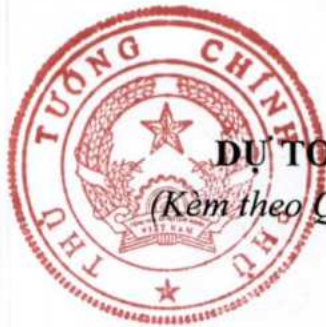
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	101.600	55.600	46.000
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	101.600	55.600	46.000
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.500	1.500	
2	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	46.000		46.000
3	Chi các hoạt động kinh tế	15.800	15.800	
4	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	38.300	38.300	





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	1.320	1.320	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.320	1.320	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.320	1.320	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1500.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	1.300	1.300	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.300	1.300	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.300	1.300	



Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 150.0.../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	1.230	1.230	
	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.230	1.230	
	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.230	1.230	



Tập đoàn Điện lực Việt Nam

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 150.Q../QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ CHI	2.526.160	2.526.160	
	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	2.526.160	2.526.160	